

Số: 33 /2020/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 19 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn
trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTB&XH ngày 27 tháng 5 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; thôn, tổ dân phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 690/TTr-SNV ngày 01 tháng 10 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2020 và thay thế Quyết định số 08/2013/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2013

của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Trường hợp các văn bản dẫn chiếu làm căn cứ và áp dụng trong Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì sẽ được thực hiện theo quy định tại các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Nội vụ, Tài chính, Kho bạc nhà nước Hưng Yên, Bảo hiểm xã hội tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- CSDLQG về pháp luật (Sở Tư pháp);
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lưu: VT, CVNC^{NH}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Phóng

QUY CHẾ

Tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Hưng Yên
(Ban hành kèm theo Quyết định số 33 /2020/QĐ-UBND
ngày 19 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với công chức cấp xã, gồm 06 chức danh công chức cấp xã quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã (sau đây gọi tắt là Nghị định số 92/2009/NĐ-CP), cụ thể như sau:

1. Chỉ huy trưởng Quân sự;
2. Văn phòng - thống kê;
3. Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã);
4. Tài chính - kế toán;
5. Tư pháp - hộ tịch;
6. Văn hóa - xã hội.

Điều 3. Nguyên tắc tuyển dụng

1. Bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật.
2. Bảo đảm tính cạnh tranh trong tuyển dụng, mọi công dân có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định đều được tham gia dự tuyển công chức cấp xã.
3. Tuyển chọn đúng người đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và vị trí chức danh công chức cấp xã cần tuyển dụng.
4. Ưu tiên tuyển chọn người có tài năng, người có công với nước, người dân tộc thiểu số.

Điều 4. Kinh phí tổ chức thi tuyển công chức cấp xã

1. Phí tuyển dụng công chức cấp xã do Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là cấp huyện) quyết định theo quy định tại Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức (gọi tắt là Thông tư số 228/2016/TT-BTC). Việc nộp phí tuyển dụng chỉ áp dụng đối với người đủ điều kiện, tiêu chuẩn nộp hồ sơ thi tuyển, khi nộp hồ sơ thi tuyển thì phải nộp phí tuyển dụng theo quy định.

2. Kinh phí tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã thực hiện theo quy định về tuyển dụng công chức hành chính. Căn cứ quy định tại Thông tư số 228/2016/TT-BTC và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc thu, nộp, quản lý, sử dụng phí tuyển dụng và dự toán, thanh toán, quyết toán kinh phí tổ chức thi tuyển công chức cấp xã bảo đảm theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 5. Căn cứ tuyển dụng

Căn cứ tuyển dụng thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt Nghị định số 112/2011/NĐ-CP), cụ thể như sau:

1. Việc tuyển dụng công chức cấp xã phải căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, tiêu chuẩn chức danh và số lượng công chức cấp xã theo từng chức danh được Ủy ban nhân dân tỉnh giao theo phân loại đơn vị hành chính cấp xã.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm rà soát, xây dựng Kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã hàng năm theo từng chức danh công chức thuộc phạm vi quản lý, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổng hợp, xây dựng kế hoạch và tổ chức tuyển dụng theo quy định của pháp luật, Quy chế này và các quy định của tỉnh.

Nội dung Kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã phải nêu cụ thể số lượng chức danh công chức cấp xã được giao, số lượng công chức cấp xã hiện có và số lượng công chức cấp xã còn thiếu so với số được giao theo từng chức danh, điều kiện đăng ký dự tuyển theo từng chức danh công chức cấp xã.

Điều 6. Phương thức tuyển dụng

1. Đối với các chức danh công chức cấp xã: Văn phòng - thống kê, Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã), Tài chính - kế toán, Tư pháp - hộ tịch, Văn hóa - xã hội: Thực hiện việc tuyển dụng thông qua thi tuyển.

2. Đối với chức danh công chức Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã: Thực hiện việc tuyển dụng thông qua xét tuyển và bổ nhiệm đối với người có đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan.

Việc bổ nhiệm Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 23 Luật Dân quân tự vệ năm 2019 và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Thực hiện tuyển dụng công chức cấp xã không qua thi tuyển, xét tuyển áp dụng đối với các trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố (sau đây gọi tắt là Nghị định số 34/2019/NĐ-CP); Điều 6 Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố (sau đây gọi tắt là Thông tư số 13/2019/TT-BNV) và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 7. Thẩm quyền tuyển dụng

Thẩm quyền tuyển dụng công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã theo quy định của pháp luật và Quy chế này, trừ trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng công chức cấp xã quy định tại Điều 21 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP.

2. Căn cứ số lượng người đăng ký dự tuyển, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc thành lập Hội đồng thi tuyển hoặc Hội đồng xét tuyển (Hội đồng thi tuyển, Hội đồng xét tuyển sau đây gọi chung là Hội đồng tuyển dụng).

3. Trường hợp số lượng người đăng ký dự tuyển trong một kỳ tuyển dụng công chức cấp xã trong phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện dưới 20 người thì không phải thành lập Hội đồng tuyển dụng; Phòng Nội vụ giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Sở Nội vụ. Sau khi có ý kiến thống nhất của Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc tuyển dụng công chức cấp xã. Khi tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã vẫn phải thành lập các Ban giúp việc quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 Quy chế này để thực hiện việc tuyển dụng theo quy định.

Điều 8. Hội đồng tuyển dụng

Hội đồng tuyển dụng thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Hội đồng tuyển dụng công chức cấp xã có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:
 - a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;
 - b) Phó Chủ tịch Hội đồng là 01 lãnh đạo Phòng Nội vụ;
 - c) Ủy viên kiêm thư ký Hội đồng là công chức thuộc Phòng Nội vụ;
 - d) Các ủy viên khác là lãnh đạo một số cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan.

2. Hội đồng tuyển dụng làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số. Trường hợp số ý kiến đồng ý và không đồng ý bằng nhau thì quyết định theo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng. Hội đồng tuyển dụng có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Thành lập các Ban giúp việc:

Đối với thi tuyển: Thành lập Ban đề thi, Ban coi thi, Ban phách, Ban chấm thi, Ban chấm phúc khảo, Ban kiểm tra sát hạch khi tổ chức thực hiện phỏng vấn tại vòng 2.

Đối với xét tuyển: Thành lập Ban kiểm tra phiếu dự tuyển; Ban kiểm tra sát hạch để thực hiện phỏng vấn tại vòng 2.

b) Tổ chức thu và sử dụng phí dự tuyển theo quy định;

c) Tổ chức thi; chấm thi viết hoặc phỏng vấn; kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển khi xét tuyển;

d) Chậm nhất là 10 ngày sau ngày tổ chức chấm thi xong, kể cả phỏng vấn (nếu có), Hội đồng tuyển dụng phải báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện để xem xét, quyết định phê duyệt kết quả thi tuyển hoặc xét tuyển (trong trường hợp xét tuyển thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định phê duyệt kết quả xét tuyển sau khi có văn bản thẩm định kết quả xét tuyển của Giám đốc Sở Nội vụ);

đ) Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình tổ chức thi tuyển hoặc tổ chức xét tuyển.

3. Sở Nội vụ hướng dẫn thực hiện điểm a khoản 2 Điều này.

Chương II

ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN; NỘI DUNG, HÌNH THỨC TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 9. Điều kiện đăng ký dự tuyển

1. Điều kiện đăng ký dự tuyển công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này. Trong đó, không phân biệt loại hình đào tạo, trường công lập, ngoài công lập.

2. Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam, nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển công chức cấp xã:

a) Có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam;

b) Đủ 18 tuổi trở lên;

c) Có Phiếu đăng ký dự tuyển;

d) Có văn bằng, chứng chỉ phù hợp với chức danh công chức cấp xã cần tuyển dụng;

đ) Có phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức tốt;

e) Có đủ năng lực và sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao;

g) Các điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển.

3. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển công chức cấp xã:

- a) Không cư trú tại Việt Nam;
- b) Mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- c) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành hoặc đã chấp hành xong bản án, quyết định về hình sự của Tòa án mà chưa được xóa án tích; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục.
- d) Những người không được làm kế toán theo quy định tại Điều 52 Luật Kế toán ngày 20 tháng 11 năm 2015 không được đăng ký dự tuyển chức danh công chức Tài chính - kế toán cấp xã.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã xác định các điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển gắn với trình độ và ngành đào tạo chuyên môn, các kỹ năng, kinh nghiệm quy định tại điểm g khoản 2 Điều này, bảo đảm phù hợp với tiêu chuẩn chung, tiêu chuẩn cụ thể và nhiệm vụ của từng chức danh công chức cấp xã cần tuyển dụng theo đúng quy định của pháp luật trong Kế hoạch tuyển dụng, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp.

5. Ngoài các điều kiện đăng ký dự tuyển theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, người đăng ký dự tuyển chức danh công chức cấp xã quy định tại Điều 2 Quy chế này phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn tuyển chọn theo quy định tại Điều 10 Quy chế này.

Điều 10. Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển

Người đăng ký dự tuyển công chức cấp xã có đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Quy chế này còn phải đạt đủ các tiêu chuẩn sau:

1. Đối với công chức Văn phòng - thống kê, Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã), Tài chính - kế toán, Tư pháp - hộ tịch, Văn hóa - xã hội:

- a) Hiểu biết về lý luận chính trị, nắm vững quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước;
- b) Có năng lực tổ chức vận động Nhân dân ở địa phương thực hiện có hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước;
- c) Trình độ giáo dục phổ thông: Tốt nghiệp trung học phổ thông;
- d) Trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ: Tốt nghiệp đại học trở lên của ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng chức danh công chức cấp xã;
- đ) Trình độ tin học: Được cấp chứng chỉ sử dụng công nghệ thông tin theo chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

e) Am hiểu và tôn trọng phong tục, tập quán của cộng đồng dân cư trên địa bàn công tác.

2. Đối với công chức Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã:

a) Trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ: Tốt nghiệp trung cấp trở lên tại nhà trường quân đội, ngành quân sự cơ sở;

b) Đạt đủ các tiêu chuẩn theo quy định tại điểm a, b, c, đ, e khoản 1 Điều này và bảo đảm điều kiện về tuổi tuyển dụng, bổ nhiệm theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

c) Ngoài những tiêu chuẩn quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này, người đăng ký dự tuyển công chức Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã còn phải có khả năng phối hợp với các đơn vị Quân đội nhân dân và lực lượng khác trên địa bàn tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thực hiện một số nhiệm vụ phòng thủ dân sự; phối hợp với các lực lượng có liên quan giữ gìn an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ Đảng, chính quyền, bảo vệ tính mạng, tài sản của Nhân dân, tài sản của Nhà nước.

Điều 11. Tiêu chuẩn cụ thể và ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng chức danh công chức cấp xã

1. Tiêu chuẩn cụ thể chức danh công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP và Điều 1 Thông tư số 13/2019/TT-BNV. Nhiệm vụ của từng chức danh công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 13/2019/TT-BNV.

2. Tiêu chuẩn cụ thể đối với chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP; Điều 17 Thông tư liên tịch số 01/2013/TTLT-BNV-BQP ngày 10 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí sử dụng đối với Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn.

3. Ngành đào tạo liên có quan đến nhiệm vụ chức danh công chức Văn phòng - Thống kê: Văn thư, lưu trữ, hành chính, quản lý nhà nước, quản lý nhân sự, văn phòng, luật, xã hội học, thống kê, kế toán, kiểm toán, tôn giáo, công nghệ thông tin (tin học), quản trị học, quản trị nhân sự, quản trị nguồn nhân lực, quản trị văn phòng, quản trị kinh doanh.

4. Ngành đào tạo có liên quan đến nhiệm vụ, chức danh công chức Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường.

a) Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường ở phường, thị trấn: địa chính, trắc địa, quản lý đất đai, xây dựng, quy hoạch, quản lý đô thị, kiến trúc, giao thông, tài nguyên, môi trường, luật;

b) Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường ở xã: thực hiện như công chức Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường ở phường, thị trấn và thêm các ngành đào tạo về nông nghiệp, phát triển nông thôn, thủy lợi.

5. Ngành đào tạo có liên quan đến nhiệm vụ, chức danh công chức Tài chính - kế toán: tài chính, kế toán, kiểm toán, tài chính - ngân hàng, kế toán - tin học, kế toán công.

6. Ngành đào tạo có liên quan đến nhiệm vụ chức danh công chức Tư pháp - hộ tịch: luật, luật - kinh tế.

7. Ngành đào tạo có liên quan đến nhiệm vụ chức danh công chức Văn hóa - xã hội: văn hóa, văn hóa - thông tin, thể thao, du lịch, báo chí, truyền thông, lịch sử, bảo tàng, triết học, Việt Nam học, Đông phương học, lao động, xã hội học, tiền lương, bảo hiểm, công tác xã hội, chính sách xã hội, bảo trợ xã hội, hành chính, luật (có liên quan đến nhiệm vụ quản lý văn hóa - xã hội).

Điều 12. Ưu tiên trong tuyển dụng

Ưu tiên tuyển dụng thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Đối tượng và điểm ưu tiên trong thi tuyển công chức cấp xã:

a) Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm thi tại vòng 2;

b) Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: được cộng 5 điểm vào kết quả điểm thi tại vòng 2;

c) Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ: được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm thi tại vòng 2.

2. Trường hợp người dự thi tuyển công chức cấp xã thuộc nhiều diện ưu tiên quy định tại khoản 1 Điều này thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm thi tại vòng 2 quy định tại khoản 2 Điều 13 Quy chế này.

Điều 13. Nội dung, hình thức và thời gian thi tuyển

Nội dung, hình thức và thời gian thi tuyển thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP. Việc thi tuyển công chức cấp xã được thực hiện theo 2 vòng thi, như sau:

1. Vòng 1: Thi trắc nghiệm được thực hiện bằng hình thức thi trên máy vi tính. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện không có điều kiện tổ chức thi trên máy vi tính thì thi trắc nghiệm trên giấy.

a) Nội dung thi trắc nghiệm gồm 2 phần:

Phần I: Kiến thức chung 60 câu hỏi về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; quản lý hành chính nhà nước; chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Thời gian thi 60 phút.

Phần II: Tin học 30 câu hỏi về kiến thức cơ bản, kỹ năng ứng dụng tin học văn phòng vào nhiệm vụ chuyên môn. Thời gian thi 30 phút.

Trường hợp tổ chức thi trên máy vi tính thì nội dung thi trắc nghiệm không có phần thi tin học.

b) Miễn phần thi tin học (vòng 1) đối với các trường hợp có bằng tốt nghiệp từ trung cấp chuyên ngành công nghệ thông tin, tin học hoặc toán - tin trở lên;

c) Kết quả thi vòng 1 được xác định theo số câu hỏi trả lời đúng cho từng phần thi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi thì người dự tuyển được thi tiếp vòng 2 theo quy định tại khoản 2 Điều này;

d) Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thi vòng 1 trên máy vi tính thì phải thông báo kết quả cho người dự tuyển được biết ngay sau khi làm bài thi trên máy vi tính; không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả thi vòng 1 trên máy vi tính;

đ) Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thi vòng 1 trên giấy thì việc chấm thi thực hiện như sau:

Chậm nhất là 15 ngày sau ngày kết thúc thi vòng 1 phải hoàn thành việc chấm thi vòng 1;

Chậm nhất là 05 ngày làm việc sau ngày kết thúc việc chấm thi vòng 1 phải công bố kết quả điểm thi để người dự tuyển biết và thông báo việc nhận đơn phúc khảo trong thời hạn 15 ngày sau ngày thông báo kết quả điểm thi trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Trường hợp có đơn phúc khảo thì chậm nhất là 15 ngày sau ngày hết thời hạn nhận đơn phúc khảo phải hoàn thành việc chấm phúc khảo và công bố kết quả chấm phúc khảo để người dự tuyển được biết;

Căn cứ vào điều kiện thực tiễn trong quá trình tổ chức chấm thi, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện được quyết định kéo dài thời hạn thực hiện các công việc quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này nhưng không quá 15 ngày.

e) Chậm nhất là 05 ngày làm việc sau ngày kết thúc việc chấm thi vòng 1 theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phải thông báo triệu tập người dự tuyển đủ điều kiện dự thi vòng 2;

Chậm nhất là 15 ngày sau ngày thông báo triệu tập người dự tuyển được tham dự vòng 2 thì phải tổ chức thi vòng 2.

2. Vòng 2: Thi môn nghiệp vụ chuyên ngành

a) Nội dung thi: Kiến thức, năng lực, kỹ năng thực thi công vụ của người dự tuyển theo yêu cầu của chức danh công chức cần tuyển dụng.

Trong cùng một kỳ thi tuyển, nếu có các vị trí chức danh công chức yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ khác nhau thì Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức xây dựng các đề thi môn nghiệp vụ chuyên ngành khác nhau, bảo đảm phù hợp với chức danh công chức cần tuyển dụng.

b) Hình thức thi: Thi phỏng vấn hoặc thi viết:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hình thức thi phỏng vấn hoặc thi viết. Trường hợp vòng 2 được tổ chức bằng hình thức phỏng vấn thì không thực hiện việc phúc khảo;

c) Thời gian thi: Thi phỏng vấn 30 phút, thi viết 180 phút;

d) Thang điểm (thi phỏng vấn hoặc thi viết): 100 điểm.

Chương III

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 14. Xây dựng, ban hành Kế hoạch tuyển dụng

1. Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, tiêu chuẩn chức danh và số lượng công chức cấp xã theo từng chức danh được Ủy ban nhân dân tỉnh giao, rà soát số lượng, chức danh công chức cấp xã hiện có và số lượng, chức danh công chức cấp xã còn thiếu so với số lượng, chức danh công chức cấp xã được giao; xây dựng Kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã hàng năm theo từng chức danh công chức cấp xã thuộc phạm vi quản lý, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, tổng hợp.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định, tổng hợp, xây dựng và ban hành Kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã thuộc phạm vi cấp huyện quản lý để triển khai tổ chức thực hiện.

Nội dung Kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã của Ủy ban nhân dân cấp huyện phải nêu cụ thể số lượng và chức danh công chức cấp xã thuộc phạm vi cấp huyện quản lý được giao, số lượng công chức cấp xã hiện có và số lượng công chức cấp xã còn thiếu so với số được giao theo từng chức danh của xã, phường, thị trấn, điều kiện, tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển theo từng chức danh công chức cấp xã; hình thức và nội dung thi tuyển hoặc xét tuyển, kinh phí tổ chức thực hiện việc thi tuyển hoặc xét tuyển; thời hạn và địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển của người đăng ký dự tuyển; thời gian, địa điểm tổ chức thi tuyển hoặc xét tuyển.

3. Sở Nội vụ có ý kiến thẩm định kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã theo đề nghị của Chủ tịch UBND cấp huyện trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. Nội dung thẩm định: Về cơ cấu, vị trí việc làm, tiêu chuẩn, trình độ, chuyên ngành đào tạo của từng chức danh công chức cấp xã và các nội dung liên quan khác theo quy định.

Điều 15. Thông báo tuyển dụng và tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển

Việc thông báo tuyển dụng và tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện phải thông báo công khai ít nhất 01 lần trên phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân cấp huyện và trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tuyển dụng công chức về điều kiện, tiêu chuẩn, số

lượng và chức danh công chức cấp xã cần tuyển, thời hạn và địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển của người đăng ký dự tuyển.

2. Nội dung thông báo tuyển dụng công chức cấp xã bao gồm:

- a) Điều kiện, tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển công chức cấp xã;
- b) Số lượng công chức cần tuyển theo từng chức danh công chức;
- c) Nội dung, yêu cầu về Phiếu đăng ký dự tuyển; thời hạn và địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển; số điện thoại liên hệ;
- d) Hình thức và nội dung thi tuyển hoặc xét tuyển; thời gian và địa điểm tổ chức thi tuyển hoặc xét tuyển; lệ phí thi tuyển hoặc xét tuyển.

3. Người đăng ký dự tuyển công chức cấp xã phải nộp trực tiếp Phiếu đăng ký dự tuyển theo Mẫu phiếu ban hành kèm theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP tại địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc gửi theo đường bưu chính.

4. Thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển của người đăng ký dự tuyển là 30 ngày sau ngày thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện và trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tuyển dụng.

5. Chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày tổ chức thi tuyển hoặc xét tuyển, Ủy ban nhân dân cấp huyện phải lập danh sách người có đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự tuyển và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân cấp huyện và trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tuyển dụng và gửi thông báo tới người dự tuyển theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký.

Điều 16. Tổ chức tuyển dụng

Việc tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP và khoản 9 Điều 1 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Khi hết thời gian nhận Phiếu đăng ký dự tuyển, chậm nhất là 10 ngày trước khi tổ chức thi tuyển hoặc xét tuyển, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc thành lập Hội đồng tuyển dụng để tổ chức tuyển dụng.

2. Trường hợp số lượng người đăng ký dự tuyển trong một kỳ tuyển dụng công chức cấp xã trong phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện dưới 20 người thì không phải thành lập Hội đồng tuyển dụng; Phòng Nội vụ giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc tuyển dụng theo quy định tại Khoản 3 Điều 6 Quy chế này.

3. Việc tổ chức tuyển dụng theo hình thức thi tuyển áp dụng đối với các chức danh công chức cấp xã: Văn phòng - thông kê, Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã), Tài chính - kế toán, Tư pháp - hộ tịch, Văn hóa - xã hội được thực hiện theo Quy chế tổ chức thi tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện

chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi tắt là Thông tư số 03/2019/TT-BNV).

4. Việc tổ chức tuyển dụng theo hình thức xét tuyển và bổ nhiệm áp dụng đối với chức danh công chức Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã được thực hiện theo Quy chế tổ chức xét tuyển công chức, viên chức, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BNV và các quy định của pháp luật có liên quan.

5. Nội quy kỳ tuyển dụng công chức cấp xã được thực hiện theo Nội quy kỳ tuyển dụng công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BNV và các quy định của pháp luật có liên quan.

6. Sở Nội vụ hướng dẫn thực hiện khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều này.

Điều 17. Xác định người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển

Việc xác định người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức cấp xã phải có đủ các điều kiện sau:

a) Có kết quả điểm thi tại vòng 2 quy định tại khoản 2 Điều 13 Quy chế này đạt từ 50 điểm trở lên;

b) Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên quy định tại Điều 12 Quy chế này (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu được tuyển dụng của từng chức danh công chức.

2. Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm thi vòng 2 quy định tại khoản 2 Điều 13 Quy chế này cộng với điểm ưu tiên quy định tại khoản 1 Điều 12 Quy chế này (nếu có) bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng thì người có kết quả điểm thi vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định người trúng tuyển và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

3. Người không trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức cấp xã không được bảo lưu kết quả thi tuyển cho các kỳ thi tuyển lần sau.

Điều 18. Nội dung xét tuyển và xác định người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển

1. Việc xét tuyển chức danh công chức Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã thực hiện xét các điều kiện, tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển theo quy định tại Điều 9, Điều 10 và Điều 12 Quy chế này.

2. Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển chức danh công chức Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã là người đạt đủ các điều kiện, tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển quy định tại khoản 1 Điều này và theo đề nghị của Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự cấp huyện.

Trường hợp số lượng người dự tuyển nhiều hơn chỉ tiêu cần tuyển dụng thì Hội đồng tuyển dụng đề nghị người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển là người

có cùng trình độ đào tạo, nhưng có kết quả học tập cao hơn; nếu có nhiều người dự tuyển khác nhau về trình độ đào tạo thì Hội đồng tuyển dụng đề nghị người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển là người có trình độ đào tạo cao hơn. Trường hợp có từ 02 người trở lên có cùng trình độ đào tạo cao nhất trong kỳ xét tuyển thì Hội đồng tuyển dụng đề nghị người trúng tuyển là người có kết quả học tập cao hơn; nếu có từ 02 người trở lên có kết quả học tập bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định người trúng tuyển và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

3. Người không trúng tuyển trong kỳ xét tuyển công chức cấp xã không được bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ xét tuyển lần sau.

Điều 19. Thông báo kết quả tuyển dụng

Việc thông báo kết quả tuyển dụng công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Chậm nhất là 10 ngày sau ngày nhận được báo cáo kết quả vòng 2 của Hội đồng tuyển dụng hoặc Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện trong trường hợp không thành lập Hội đồng tuyển dụng, Ủy ban nhân dân cấp huyện phải niêm yết công khai kết quả thi tuyển hoặc xét tuyển, danh sách người dự kiến trúng tuyển tại trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân cấp huyện và trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tuyển dụng và trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện; gửi thông báo kết quả thi tuyển hoặc xét tuyển bằng văn bản tới người dự tuyển theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký.

2. Trong thời hạn 15 ngày sau ngày niêm yết công khai kết quả vòng 2, người dự tuyển có quyền gửi đơn đề nghị phúc khảo kết quả trong trường hợp thi tuyển vòng 2 quy định tại khoản 2 Điều 13 Quy chế này bằng hình thức thi viết. Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng có trách nhiệm tổ chức chấm phúc khảo và công bố kết quả chấm phúc khảo chậm nhất là 15 ngày sau ngày hết thời hạn nhận đơn phúc khảo theo quy định tại khoản này.

3. Sau khi thực hiện các quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, Hội đồng tuyển dụng báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt kết quả tuyển dụng và gửi thông báo công nhận kết quả trúng tuyển bằng văn bản tới người dự tuyển theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký. Nội dung thông báo phải ghi rõ thời hạn người trúng tuyển đến Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi dự tuyển để hoàn thiện hồ sơ trúng tuyển và thời gian người trúng tuyển đến Ủy ban nhân dân cấp huyện nhận quyết định tuyển dụng.

4. Trường hợp người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ dự tuyển theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc Hội đồng tuyển dụng phát hiện người trúng tuyển sử dụng văn bằng, chứng chỉ không đúng quy định thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định hủy kết quả trúng tuyển và thông báo cho người dự tuyển, đồng thời thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc trên trang thông tin điện tử của cơ quan và không tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển trong một kỳ tuyển dụng tiếp theo.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định công nhận kết quả trúng tuyển đối với người dự tuyển có kết quả tuyển dụng thấp hơn liền kề so với kết quả tuyển dụng của người trúng tuyển đã bị hủy bỏ kết quả trúng tuyển theo quy định tại khoản 4 Điều này.

Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả tuyển dụng thấp hơn liền kề bằng nhau thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định người trúng tuyển theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Quy chế này (trong trường hợp tổ chức thi tuyển công chức) hoặc theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Quy chế này (trong trường hợp xét tuyển công chức) và gửi thông báo công nhận kết quả trúng tuyển bằng văn bản tới người dự tuyển theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký theo quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 20. Hồ sơ của người trúng tuyển công chức cấp xã

Hồ sơ của người trúng tuyển công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 13/2019/TT-BNV, cụ thể như sau:

1. Sơ yếu lý lịch theo mẫu có xác nhận của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người trúng tuyển công chức cấp xã công tác hoặc cư trú;
2. Bản sao giấy khai sinh;
3. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ được cơ quan có thẩm quyền chứng thực. Trường hợp có văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được dịch thuật sang tiếng Việt, được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận;
4. Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế đủ điều kiện cấp và trong thời hạn sử dụng theo quy định;
5. Phiếu lý lịch tư pháp do Sở Tư pháp nơi thường trú cấp.

Điều 21. Thời hạn ra quyết định tuyển dụng và nhận việc

Thời hạn ra quyết định tuyển dụng và nhận việc thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 20 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP và khoản 11 Điều 1 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Đối với các chức danh Văn phòng - thống kê, Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã), Tài chính - kế toán, Tư pháp - hộ tịch, Văn hóa - xã hội:

Căn cứ thông báo công nhận kết quả trúng tuyển theo quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều 19 và hồ sơ của người trúng tuyển công chức cấp xã đã hoàn thiện đủ theo quy định tại Điều 20 Quy chế này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định tuyển dụng công chức cấp xã theo quy định.

2. Đối với chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã

Căn cứ thông báo công nhận kết quả trúng tuyển theo quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều 19 và hồ sơ của người trúng tuyển công chức cấp xã đã hoàn thiện đủ theo quy định tại Điều 20 Quy chế này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bổ nhiệm Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã theo đề nghị bằng

văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi thống nhất với Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự cấp huyện.

3. Trong thời hạn chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày có quyết định tuyển dụng, người được tuyển dụng vào công chức cấp xã phải đến cơ quan nhận việc, trừ trường hợp quyết định tuyển dụng quy định thời hạn khác. Trường hợp người được tuyển dụng vào công chức có lý do chính đáng mà không thể đến nhận việc thì phải làm đơn xin gia hạn trước khi kết thúc thời hạn nêu trên, gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện. Thời gian xin gia hạn không quá 30 ngày, kể từ ngày hết thời hạn nhận việc quy định tại Khoản này.

4. Trường hợp người trúng tuyển vào công chức cấp xã không đến nhận việc sau thời hạn quy định tại khoản 3 Điều này thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định hủy bỏ quyết định tuyển dụng, đồng thời ra quyết định tuyển dụng đối với người đủ điều kiện trúng tuyển có điểm thi thấp hơn liền kề.

Điều 22. Trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng công chức cấp xã

Trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Căn cứ điều kiện đăng ký dự tuyển công chức cấp xã quy định tại Điều 9 Quy chế này và yêu cầu công việc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện được tuyển dụng không qua thi tuyển, xét tuyển đối với các trường hợp đặc biệt sau:

a) Người tốt nghiệp đại học đạt loại giỏi ở trong nước hoặc đạt loại khá trở lên ở nước ngoài, có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với chức danh công chức cần tuyển dụng;

b) Người có trình độ từ đại học trở lên có chuyên ngành đào tạo phù hợp với chức danh công chức cần tuyển dụng, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc và có ít nhất 05 năm công tác trong lĩnh vực cần tuyển dụng.

2. Công chức cấp xã được bầu giữ chức vụ quy định là cán bộ cấp xã khi thôi đảm nhiệm chức vụ (không trong thời hạn bị kỷ luật) thì được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, tiếp nhận trở lại. Trường hợp không còn vị trí chức danh công chức cấp xã thì giải quyết chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp người được tuyển dụng vào công chức cấp xã theo quy định tại Quy chế này được bố trí chức danh theo đúng chuyên ngành đào tạo hoặc theo đúng chuyên môn nghiệp vụ trước đây đã đảm nhiệm thì thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trước ngày được tuyển dụng, tiếp nhận vào công chức (nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn) được tính để làm căn cứ xếp lương phù hợp với chức danh công chức được tuyển dụng.

4. Việc tuyển dụng công chức cấp xã đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phải thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch.

a) Hội đồng kiểm tra, sát hạch có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; 01 ủy viên là lãnh đạo phòng Nội vụ kiêm Thư ký Hội đồng; 01 ủy viên là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến bố trí công chức sau khi được tiếp nhận; các ủy viên khác là đại diện một số bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ có liên quan.

b) Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng kiểm tra, sát hạch: Kiểm tra về các điều kiện, tiêu chuẩn, văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh công chức cần tuyển; sát hạch về trình độ hiểu biết chung và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của người được đề nghị tiếp nhận. Hình thức và nội dung sát hạch do Hội đồng kiểm tra, sát hạch căn cứ vào yêu cầu chức danh công chức cần tuyển, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định trước khi tổ chức sát hạch; Hội đồng kiểm tra, sát hạch làm việc theo nguyên tắc tập thể, biểu quyết theo đa số và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 23. Điều kiện, tiêu chuẩn tuyển dụng công chức cấp xã trong trường hợp đặc biệt

Điều kiện, tiêu chuẩn tuyển dụng công chức cấp xã trong trường hợp đặc biệt thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 13/2019/TT-BNV, cụ thể như sau:

1. Việc xác định tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên ở trong nước, loại khá trở lên ở nước ngoài đối với các trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng công chức cấp xã quy định tại điểm a khoản 1 Điều 22 Quy chế này được căn cứ vào xếp loại tại bằng tốt nghiệp.

2. Các trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng công chức cấp xã quy định tại điểm b khoản 1 Điều 22 Quy chế này có thời gian 05 năm (đủ 60 tháng) trở lên làm công việc phù hợp với yêu cầu của chức danh công chức cấp xã cần tuyển dụng (không kể thời gian tập sự, thử việc), có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc. Nếu có thời gian công tác không liên tục, chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn, gồm:

a) Viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập, đã có thời gian làm viên chức 05 năm (đủ 60 tháng) trở lên, tính từ thời điểm được tuyển dụng viên chức (không kể thời gian tập sự);

b) Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và người làm công tác cơ yếu, đã có thời gian công tác 05 năm (đủ 60 tháng) trở lên trong lực lượng vũ trang (quân đội, công an) hoặc làm công tác cơ yếu, tính từ thời điểm có quyết định tuyển dụng chính thức vào quân đội, công an hoặc tại các tổ chức của lực lượng cơ yếu.

3. Cán bộ cấp xã giữ chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP khi thôi đảm nhiệm chức vụ cán bộ cấp xã thì được xem xét, tiếp nhận vào công chức cấp xã không qua thi tuyển nếu đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn sau:

a) Có đủ các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 Quy chế này;

- b) Còn số lượng và vị trí chức danh công chức cấp xã cần tuyển dụng;
- c) Đáp ứng được ngay yêu cầu nhiệm vụ của chức danh công chức cấp xã cần tuyển dụng;
- d) Trường hợp trước khi bầu giữ chức vụ cán bộ cấp xã chưa phải là công chức cấp xã thì thời gian giữ chức vụ cán bộ cấp xã ít nhất là 05 năm (đủ 60 tháng) trở lên;
- đ) Tại thời điểm tiếp nhận không trong thời gian bị xem xét kỷ luật; bị điều tra, truy tố, xét xử và không trong thời hạn bị thi hành kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Khi tiếp nhận công chức cấp xã không qua thi tuyển, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phải thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch theo quy định tại khoản 4 Điều 22 Quy chế này, trừ trường hợp trước khi được bầu giữ chức vụ cán bộ cấp xã đã là công chức cấp xã.

Điều 24. Hồ sơ của người được đề nghị tiếp nhận không qua thi tuyển và xét tuyển vào công chức cấp xã

Hồ sơ của người được đề nghị tiếp nhận không qua thi tuyển và xét tuyển vào công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 13/2019/TT-BNV, cụ thể như sau:

1. Hồ sơ của người được đề nghị tiếp nhận vào công chức cấp xã không qua thi tuyển và Hồ sơ đề nghị tiếp nhận vào công chức cấp xã thông qua xét tuyển bao gồm:
 - a) Sơ yếu lý lịch theo mẫu có xác nhận của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người đó công tác hoặc cư trú;
 - b) Bản sao giấy khai sinh;
 - c) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh công chức cấp xã dự tuyển được cơ quan có thẩm quyền chứng thực;
 - d) Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế đủ điều kiện cấp và trong thời hạn sử dụng theo quy định;
 - đ) Phiếu lý lịch tư pháp do Sở Tư pháp nơi thường trú cấp. Đối với trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 22 Quy chế này thì không yêu cầu phải có Phiếu lý lịch tư pháp;
 - e) Bản tự nhận xét, đánh giá của người được đề nghị tiếp nhận về phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, trình độ và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, quá trình công tác và các hình thức khen thưởng đã đạt được, có nhận xét và xác nhận của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người được đề nghị tiếp nhận đang công tác hoặc cư trú.
 - g) Trường hợp xét tuyển công chức là Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự cấp xã phải có ý kiến bằng văn bản của Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự cấp huyện;
 - h) Quyết định phê chuẩn, công nhận giữ các chức vụ, chức danh cán bộ cấp xã, hay tuyển dụng vào viên chức, lực lượng vũ trang...; quyết định được

xếp lương hay bổ nhiệm vào ngạch, chức danh nghề nghiệp; xác nhận đóng bảo hiểm xã hội; quyết định nâng bậc lương gần nhất.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm về các điều kiện, tiêu chuẩn, phẩm chất, trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và hồ sơ của người được đề nghị tiếp nhận vào công chức cấp xã không qua thi tuyển.

Chương IV

TẬP SỰ, BỔ NHIỆM NGẠCH, XẾP LƯƠNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 25. Chế độ, chính sách đối với người tập sự

1. Người được tuyển dụng vào công chức cấp xã phải thực hiện chế độ tập sự để làm quen với môi trường công tác, tập làm những công việc của chức danh công chức được tuyển dụng.

2. Thời gian tập sự của người được tuyển dụng vào công chức cấp xã là 12 tháng; thời gian nghỉ ốm đau từ 14 ngày trở lên, thời gian nghỉ không hưởng lương, thời gian bị tạm giam, tạm giữ, tạm đình chỉ công tác theo quy định của pháp luật, thời gian người tập sự là nữ nghỉ sinh con theo chế độ bảo hiểm xã hội không được tính vào thời gian tập sự.

3. Trong thời gian tập sự, người tập sự được hưởng 85% mức lương bậc 1 của ngạch tuyển dụng; trường hợp người tập sự có trình độ thạc sĩ phù hợp với yêu cầu tuyển dụng thì được hưởng 85% mức lương bậc 2 của ngạch tuyển dụng.

4. Thời gian tập sự không được tính vào thời gian để xét nâng bậc lương.

5. Nội dung tập sự:

a) Nắm vững quy định của Luật Cán bộ, công chức về quyền, nghĩa vụ của công chức, những việc công chức không được làm; nắm vững cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, nội quy, quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người tập sự đang công tác và chức trách, nhiệm vụ của chức danh công chức được tuyển dụng;

b) Trau dồi kiến thức và kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của chức danh công chức được tuyển dụng;

c) Tập giải quyết, thực hiện các công việc của chức danh công chức được tuyển dụng.

6. Không thực hiện chế độ tập sự đối với:

a) Các trường hợp đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian tập sự quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã.

Điều 26. Hướng dẫn tập sự và chế độ, chính sách đối với người hướng dẫn tập sự

1. Chậm nhất sau 07 ngày làm việc kể từ ngày công chức đến nhận việc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải cử người cùng chuyên môn, nghiệp vụ hoặc người có năng lực và kinh nghiệm về chuyên môn, nghiệp vụ hướng dẫn

người tập sự nắm vững và tập làm những công việc theo yêu cầu nội dung tập sự quy định tại khoản 5 Điều 25 Quy chế này.

2. Người được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phân công hướng dẫn tập sự được hưởng hệ số phụ cấp trách nhiệm bằng 0,3 so với mức lương cơ sở trong thời gian hướng dẫn người tập sự.

Điều 27. Công nhận đối với người hoàn thành chế độ tập sự

1. Khi hết thời gian tập sự, người tập sự phải báo cáo kết quả tập sự bằng văn bản; người hướng dẫn tập sự phải nhận xét, đánh giá kết quả tập sự đối với người tập sự bằng văn bản, gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đánh giá phẩm chất chính trị, đạo đức và kết quả công việc của người tập sự. Trường hợp người tập sự đạt yêu cầu của chức danh công chức thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định công nhận hết thời gian tập sự và xếp lương cho công chức cấp xã được tuyển dụng.

3. Việc bổ nhiệm vào ngạch công chức cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định. Việc bổ nhiệm vào ngạch phải theo nguyên tắc sau:

- a) Làm công việc nào thì bổ nhiệm vào ngạch công chức đó.
- b) Người được bổ nhiệm vào ngạch phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn theo quy định của ngạch, chức danh công chức cấp xã.

Điều 28. Hủy bỏ quyết định tuyển dụng đối với người tập sự

1. Quyết định tuyển dụng bị hủy bỏ trong trường hợp người tập sự không đáp ứng được yêu cầu của chức danh công chức tập sự hoặc bị xử lý kỷ luật từ khiển trách trở lên trong thời gian tập sự.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định hủy bỏ quyết định tuyển dụng đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Người tập sự bị hủy bỏ quyết định tuyển dụng được Ủy ban nhân dân cấp xã trợ cấp 01 tháng lương, phụ cấp hiện hưởng (nếu có) và tiền tàu xe về nơi cư trú.

Điều 29. Trường hợp được miễn thực hiện chế độ tập sự

1. Người được tuyển dụng vào chức danh công chức cấp xã: Văn phòng - thống kê; Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã); Tài chính - kế toán; Tư pháp - hộ tịch; Văn hoá - xã hội, được miễn thực hiện chế độ tập sự khi có đủ các điều kiện sau:

a) Đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian tập sự quy định tại khoản 2 Điều 25 Quy chế này;

b) Trong thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc quy định tại điểm a khoản này, người được tuyển dụng công chức cấp xã đã làm những công việc phù hợp với nhiệm vụ của chức danh công chức cấp xã được tuyển dụng.

2. Người được tuyển dụng công chức cấp xã nếu không có đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này thì phải thực hiện chế độ tập sự; thời gian người được tuyển dụng đã làm những công việc quy định tại điểm b khoản 1 Điều này (nếu có) được tính vào thời gian tập sự.

Điều 30. Xếp lương đối với trường hợp đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc khi được tuyển dụng công chức cấp xã

1. Đối với trường hợp đang được xếp lương theo ngạch, bậc, chức vụ, cấp hàm theo bảng lương do nhà nước quy định:

Trường hợp đang được xếp lương theo ngạch chuyên viên hoặc tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xếp ngạch, bậc, hệ số lương theo đúng thẩm quyền và báo cáo kết quả xếp lương về Sở Nội vụ để theo dõi, quản lý.

2. Đối với trường hợp chưa được xếp lương theo ngạch, bậc, chức vụ, cấp hàm theo bảng lương nhà nước quy định:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phải có phương án xếp lương cụ thể đối với từng trường hợp và có văn bản kèm theo bản sao sổ bảo hiểm xã hội được cơ quan có thẩm quyền xác nhận, các quyết định liên quan về lương của cơ quan có thẩm quyền của từng trường hợp, gửi Sở Nội vụ có ý kiến thống nhất bằng văn bản trước khi quyết định xếp lương.

3. Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, văn bản đề nghị xếp lương của Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định tại khoản 2 Điều này, Sở Nội vụ phải có văn bản trả lời. Trường hợp hồ sơ đề nghị xếp lương chưa đủ theo quy định thì trong thời gian 05 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Nội vụ có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện đủ hồ sơ theo quy định.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 31. Áp dụng văn bản pháp luật chuyên ngành

1. Việc thực hiện các quy định về tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã tại Quy chế này phải đảm bảo phù hợp với các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các quy định của văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành.

Điều 32. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Tổ chức thi tuyển, xét tuyển, kiểm tra, sát hạch công chức cấp xã theo quy định tại Quy chế này và pháp luật hiện hành;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã lập kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện; thẩm định, tổng hợp xây

dựng kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã của địa phương, đảm bảo cơ cấu, vị trí việc làm, tiêu chuẩn, trình độ của từng chức danh công chức cấp xã tuyển dụng theo đúng quy định;

c) Thành lập Hội đồng tuyển dụng để tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức cấp xã;

d) Quyết định công nhận kết quả thi tuyển, xét tuyển theo quy định hiện hành; thông báo kết quả tuyển dụng, quyết định tuyển dụng, quyết định xếp lương công chức cấp xã.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Thực hiện rà soát, xác định vị trí chức danh công chức cần tuyển dụng;

b) Xây dựng Kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp;

c) Bố trí người hướng dẫn tập sự đối với người trúng tuyển kỳ thi công chức cấp xã; theo dõi, đánh giá quá trình tập sự của công chức cấp xã.

Điều 33. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế này.

2. Căn cứ điều kiện, tiêu chuẩn của công chức cấp xã quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11 Quy chế này và điều kiện thực tế của địa phương, thẩm định cơ cấu, vị trí chức danh công chức cấp xã phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng chức danh công chức cấp xã trong từng kỳ tuyển dụng công chức cấp xã.

3. Hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra, giám sát trong quá trình tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã theo quy định của pháp luật và Quy chế này; có văn bản thống nhất trước khi Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc tiếp nhận công chức cấp xã không qua thi tuyển, xét tuyển đối với các trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng công chức cấp xã; thẩm định, thống nhất bằng văn bản để Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xếp lương đối với công chức cấp xã được tuyển dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 30 Quy chế này; quản lý, theo dõi công chức cấp xã được tuyển dụng.

4. Hướng dẫn việc xây dựng các đề thi tuyển công chức cấp xã. Trường hợp cần thiết nhằm nâng cao chất lượng công chức cấp xã, Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan chuẩn bị nội dung ôn tập kiến thức chung, nghiệp vụ chuyên ngành, tin học; là đầu mối phối hợp giữa Ủy ban nhân dân cấp huyện, các sở, ngành và cơ quan liên quan ra đề thi, đáp án các môn thi theo quy định hiện hành.

5. Nghiên cứu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới Quy chế tuyển dụng công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh cho phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành khi Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương ban hành các quy định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc thay thế các quy định về tuyển dụng công chức cấp xã.

Điều 34. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan

1. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu bố trí nguồn kinh phí phục vụ việc xây dựng tài liệu ôn tập các môn thi tuyển và các đề thi tuyển, đề kiểm tra, sát hạch công chức cấp xã theo quy định của pháp luật, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Giao các sở, ngành: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Tư pháp, Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp với Sở Nội vụ hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng tài liệu ôn tập các môn thi tuyển và các đề thi tuyển công chức cấp xã.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, Ủy ban nhân dân cấp huyện kịp thời báo cáo bằng văn bản về Sở Nội vụ để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Phóng